TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ H
TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN T

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 18/2021/QĐHG-DS

Huyện T, ngày 12 tháng 4 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN KẾT QUẢ HÒA GIẢI THÀNH TẠI TÒA ÁN

TÒA ÁN NHÂN NHÂN HUYỆN T, THÀNH PHỐ H

Thẩm phán ra quyết định: Nguyễn Nam Ninh.

Căn cứ vào Điều 117, Điều 298, Điều 299, Điều 463, Điều 466, Điều 500 và Điều 502 của Bộ luật Dân sự; Điều 91 và Điều 95 của Luật Các Tổ chức tín dụng;

Căn cứ vào Điều 32, Điều 33, Điều 34, Điều 35 và Điều 36 của Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án;

Căn cứ Biên bản ghi nhận kết quả hòa giải tại Tòa án ngày 26 tháng 3 năm 2021, về việc các bên thỏa thuận được với nhau về giải quyết toàn bộ vụ việc dân sự, giữa:

- Người khởi kiện: Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ (tên viết tắt là SB); địa chỉ trụ sở chính: Số H phố T, Phường P, Quận H, Thành phố H. Người đại diện theo pháp luật: Ông Lê Văn T, sinh năm 1970 - Chức danh: Chủ tịch Hội đồng quản trị SB.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Trần Văn T, sinh năm 1982 - Chức vụ: Chuyên viên cao cấp Xử lý nợ SB (Văn bản ủy quyền số 359 ngày 20/4/2018 và số 13824A ngày 09/10/2020).

- Người bị kiện: Bà Nguyễn Thị M, sinh năm 1954; địa chỉ: Thôn B, xã K, huyện T, thành phố H.

Sau khi nghiên cứu Biên bản ghi nhận kết quả hòa giải tại Tòa án cùng tài liệu kèm theo do Hòa giải viên chuyển sang Tòa án,

XÉT THẤY:

Nội dung thỏa thuận, thống nhất của các bên được ghi trong Biên bản ghi nhận kết quả hòa giải tại Tòa án đã có đủ điều kiện quy định tại Điều 33 của Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án.

Đã hết thời hạn 15 ngày, kể từ ngày Tòa án nhận được Biên bản ghi nhận kết quả hòa giải và tài liệu kèm theo, không có bên nào ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận kết quả hòa giải thành tại Tòa án giữa các bên hòa giải: Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ (tên viết tắt là SB); địa chỉ trụ sở chính: Số H phố T, Phường P, Quận H, Thành phố H và bà Nguyễn Thị M, sinh năm 1954; địa chỉ: Thôn B, xã K, huyện T, thành phố H.

2. Công nhận kết quả hòa giải thành tại Tòa án của các bên cụ thể như sau:

2.1. Về nghĩa vụ trả nợ: Bà Nguyễn Thị M phải trả cho SB tổng số tiền còn nợ tính đến hết ngày 18/01/2021 là 204.540.015 đồng (trong đó: Nợ gốc là 158.298.000 đồng, nợ lãi là 46.242.015 đồng) theo Hợp đồng tín dụng từng lần số 197/2017/HĐTDTL-PGD1 ngày 27/4/2017.

Kể từ ngày 19/01/2021 cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật (Mức lãi suất các bên thỏa thuận là mức lãi suất nợ quá hạn các bên thỏa thuận trong hợp đồng); nếu không có thỏa thuận về mức lãi suất thì theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của SB thì lãi suất mà bà Nguyễn Thị M phải tiếp tục thanh toán cho SB theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của SB.

2.2. Về phương án trả nợ: Chậm nhất đến hết ngày 30/4/2021, bà Nguyễn Thị M trả hết toàn bộ khoản nợ cho SB.

2.3. Về xử lý tài sản bảo đảm: Trường hợp bà Nguyễn Thị M vi phạm nghĩa vụ trả nợ như điểm 2.2. thì SB được quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án có thẩm quyền kê biên, phát mại tài sản bảo đảm sau để xử lý thu hồi toàn bộ khoản nợ: Quyền sử dụng diện tích 330m^2 đất ở và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 387, tờ bản đồ số 02 tại thôn B, xã K, huyện T, thành phố H (theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AL 283761, số vào sổ cấp giấy chứng nhận H/01392 do Ủy ban nhân dân huyện T, thành phố H cấp ngày 15/5/2008 cho người sử dụng là hộ bà Nguyễn Thị M. Ngày 25/4/2017, Văn phòng Đăng ký đất đai chi nhánh huyện T chứng nhận thay đổi tên người sử dụng đất từ hộ bà Nguyễn Thị M thành bà Nguyễn Thị M).

Số tiền thu được từ việc phát mại tài sản bảo đảm sau khi trả nợ cho SB mà còn dư thì sẽ được trả lại phần dư cho bà Nguyễn Thị M; trường hợp số tiền thu được từ việc phát mại tài sản bảo đảm không đủ để thanh toán hết nợ thì bà Nguyễn Thị M phải tiếp tục thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho SB theo thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng và khế ước nhận nợ cho đến khi thanh toán hết khoản nợ.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật, không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự và được thi hành theo quy định của pháp luật về thi hành án dân sự.

4. Các bên có quyền đề nghị xem xét lại quyết định này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được hoặc biết được quyết định.

5. Viện Kiểm sát cùng cấp có quyền kiến nghị xem xét lại quyết định này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được quyết định của Tòa án.

Nơi nhận:
- Các bên;
- TAND thành phố H;
- VKSND huyện T, thành phố H;
- Chi cục THADS huyện T;
- Lưu: Hồ sơ vụ việc, TA.

THẨM PHÁN

Nguyễn Nam Ninh